

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/DSST
Ngày 10/6/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Từ Tứ Hải**

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST-DS ngày 07/3/2019 về vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS ngày 06/5/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST – DS ngày 20/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp 9, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Hồng L**, sinh năm 1973 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:**

Nguyên trước đây vào ngày 16/10/2017 anh L có hỏi mượn chị H số tiền là 15.000.000 đồng, khi mượn tiền anh L có viết biên nhận cho chị H, hai bên thỏa thuận

lãi suất một ngày là 50.000 đồng/15.000.000 đồng và hẹn sau 10 ngày sẽ trả tiền cho chị H, nhưng không có viết lãi suất và thời gian trả nợ vào biên nhận, đến hẹn anh L không trả tiền nên chị H có gặp và yêu cầu anh L trả tiền, anh L chỉ trả cho chị H được 500.000 đồng tiền lãi và anh L hẹn chị H mỗi tháng trả 500.000 đồng nhưng từ đó cho đến nay anh L vẫn không trả tiền gốc cho chị H.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu anh L trả cho chị H số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần. Chị H chỉ yêu cầu anh L trả tiền, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả tiền cho chị H.

Đối với bị đơn anh Lê Hồng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Hồng L với tư cách là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H và anh Lê Hồng L là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L trả cho chị H số tiền là 15.000.000 đồng, trả đủ một lần và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa chị H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chị H chỉ yêu cầu anh L trả số tiền gốc là 15.000.000 đồng, trả đủ một lần và không yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu anh L trả cho chị H số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị H đã cung cấp cho Tòa án biên nhận mượn tiền do anh L viết và ký tên, trong

quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H xác nhận biên nhận với nội dung anh L có nhận của chị H 15.000.000 đồng là do anh L viết và ký tên, từ khi viết biên nhận đến nay anh L chưa trả tiền cho chị H, hiện nay anh L còn nợ của chị H số tiền gốc là 15.000.000 đồng, nên chị H yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền còn nợ. Xét thấy nội dung yêu cầu của chị H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phía anh L, trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập họp lệ nhưng anh L không tham dự và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do chị H cung cấp. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 buộc anh L có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng.

Chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0005378 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc anh L phải nộp số tiền là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H về việc yêu cầu anh Lê Hồng L trả số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

2. Buộc anh Lê Hồng L có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0005378 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc anh Lê Hồng L phải nộp số tiền là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho chị Phạm Thị Cẩm H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hồng L có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái